

Bình Phước, ngày 08 tháng 11 năm 2024

Số: 12 /KL-TTr

KẾT LUẬN THANH TRA
Việc chấp hành các quy định pháp luật về
theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-TTr ngày 30/7/2024 của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT về thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Đoàn Thanh tra số 05).

Xét Báo cáo số 01/BC-ĐTTr ngày 10/10/2024 về kết quả thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước của Trưởng đoàn thanh tra số 05/QĐ-TTr.

Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT kết luận thanh tra việc chấp hành các quy định pháp luật về theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

A. Khái quát chung

Theo dõi diễn biến rừng nhằm xác định diện tích các loại rừng, đất quy hoạch phát triển rừng hiện có; xác định các diện tích biến động của từng loại rừng, từng chủ rừng nhằm phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phục vụ cho công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng. Cập nhật diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng khi có biến động về trạng thái rừng, đất quy hoạch phát triển rừng, chủ rừng và tổ chức được giao quản lý rừng, mục đích sử dụng rừng, nguyên nhân biến động; đảm bảo phản ánh chính xác, khách quan diện tích các loại rừng, đất quy hoạch phát triển rừng hiện có; kịp thời phản ánh diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng; công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng hàng năm.

Công tác theo dõi diễn biến rừng nói riêng và công tác quản lý bảo vệ rừng nói chung trên địa bàn tỉnh được Hạt kiểm lâm các huyện, thị và chủ rừng tiến hành cập nhật theo dõi thường xuyên theo quy định. Các đơn vị được trang bị các thiết bị chuyên môn để thực hiện, đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn đã được tập huấn nghiệp vụ. Công tác theo dõi diễn biến rừng luôn được sự quan tâm chỉ đạo từ lãnh đạo nhằm hỗ trợ công tác quản lý, bảo vệ rừng trong thời gian qua.

I. Hạt Kiểm lâm các huyện, thị xã

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05 Hạt Kiểm lâm trực thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bình Phước, bao gồm: Hạt Kiểm lâm các huyện Lộc Ninh, Bù Đốp, Bù Đăng, Đồng Phú và Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập – Phước Long. Chức năng của Hạt Kiểm lâm: đơn vị có chức năng quản lý, bảo vệ rừng, bảo

đảm chấp hành pháp luật về lâm nghiệp; là lực lượng chuyên ngành về phòng cháy và chữa cháy rừng.

Đối với công tác theo dõi diễn biến rừng, các Hạt Kiểm lâm có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn huyện quản lý; cập nhật và tổng hợp kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm; báo cáo Chi cục Kiểm lâm và trình UBND cấp huyện ban hành Quyết định công bố hiện trạng rừng hàng năm; quản lý lưu trữ hồ sơ và cơ sở dữ liệu rừng cấp huyện.

II. Các đơn vị chủ rừng là các Ban QLRPH: Bù Đăng, Tà Thiết, Lộc Ninh, Bù Đốp và Đắc Mai

Trên địa bàn tỉnh có 05 Ban Quản lý rừng Phòng hộ (gọi tắt là Ban QLRPH) gồm có Bù Đăng, Tà Thiết, Lộc Ninh, Bù Đốp và Đắc Mai. Các Ban QLRPH là đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó, 02 đơn vị là Ban Bù Đốp và Đắc Mai trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban QLRPH Bù Đăng trực thuộc UBND huyện Bù Đăng; Ban Tà Thiết và Ban Lộc Ninh trực thuộc UBND huyện Lộc Ninh quản lý. Các Ban QLRPH có một số chức năng nhiệm vụ chính là tổ chức quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên toàn bộ diện tích rừng được UBND tỉnh giao; thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng, ngăn chặn các hành vi gây thiệt hại đến tài nguyên rừng; tổ chức thực hiện khoán các hạng mục công trình lâm sinh, bảo vệ rừng phát triển rừng, trồng rừng, chăm sóc rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị xã hội để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng; quản lý, sử dụng có hiệu quả tổ chức bộ máy, biên chế, lao động, tài sản, tài chính, vật tư, kinh phí và các nguồn lực khác theo quy định hiện hành... Đối với công tác theo dõi diễn biến rừng, các Ban QLRPH có trách nhiệm theo dõi diễn biến rừng và phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong quá trình thực hiện.

B. Kết quả kiểm tra xác minh

I. Cơ sở Pháp lý thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng

Quá trình kiểm tra, việc thực hiện theo dõi diễn biến rừng được các đơn vị chủ rừng thực hiện dựa trên các cơ sở pháp lý là các văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: Luật lâm nghiệp năm 2017; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp; Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng (sau đây gọi tắt là Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018). Ngoài ra, việc thực hiện theo dõi diễn biến rừng được thực hiện theo các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Chi cục Kiểm lâm.

II. Việc chấp hành các quy định pháp luật về Quy trình thực hiện theo dõi diễn biến rừng

1. Đối với các đơn vị chủ rừng là các Ban QLRPH và Hạt Kiểm lâm

1.1 Việc chấp hành các quy định pháp luật về thu thập và báo cáo thông tin biến động về diện tích rừng.

Trong giai đoạn từ năm 2022 đến 2023, các đơn vị chủ rừng đã triển khai thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin biến động với 97 phiếu báo cáo thông tin

biến động gửi Hạt Kiểm lâm các huyện, thị. Kết quả kiểm tra ghi nhận có những thiếu sót như sau:

a) Năm 2022

- Có 05 đơn vị chủ rừng thực hiện thu thập thông tin biến động về rừng chưa đảm bảo về thời gian quy định với 11 biểu báo cáo, cụ thể: Ban QLRPH Bù Đăng (01 biểu), Ban QLRPH Đắc Mai (01 biểu), Ban QLRPH Bù Đốp (02 biểu), Ban QLRPH Tà Thiết (02 biểu) và Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú (05 biểu). Các biểu báo cáo trên do các đơn vị chủ rừng thực hiện xác định thời điểm thay đổi là năm 2022, tuy nhiên về hiện trạng loài cây trồng được xác định từ năm 2021 trở về trước. Như vậy, việc thu thập thông tin biến động chưa đúng về thời gian được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (trong vòng 15 ngày kể từ ngày có biến động thì chủ rừng phải báo cáo).

- Có 03 đơn vị chủ rừng thực hiện báo cáo thông tin biến động về rừng nhưng không ghi rõ thời gian là ngày tháng năm thay đổi với 19 biểu báo cáo, gồm có: Ban QLRPH Bù Đăng (09 biểu), Ban QLRPH Bù Đốp (03 biểu) và Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú (07 biểu). Việc không ghi rõ ngày tháng năm thay đổi là không đúng theo quy định tại Biểu 01, Phụ lục IV, kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

- Có 03 đơn vị chủ rừng thực hiện báo cáo thông tin biến động về rừng nhưng ghi chưa đúng nguyên nhân thay đổi của các lô rừng từ “nguyên nhân khác” thành “sai hiện trạng” với 15 biểu báo cáo, gồm có: Ban QLRPH Bù Đăng (08 biểu), Ban QLRPH Bù Đốp (02 biểu), Ban QLRPH Tà Thiết (03 biểu) và Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú (02 biểu). Việc ghi chưa đúng nguyên nhân thay đổi là chưa đúng theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

b) Năm 2023

- Có 04 đơn vị chủ rừng thực hiện thu thập thông tin biến động về rừng chưa đảm bảo về thời gian quy định với 12 biểu báo cáo, cụ thể: Ban QLRPH Bù Đăng (05 biểu), Ban QLRPH Bù Đốp (03 biểu), Ban QLRPH Tà Thiết (03 biểu) và Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú (01 biểu). Các biểu báo cáo trên do các đơn vị chủ rừng thực hiện xác định thời điểm thay đổi là năm 2023, tuy nhiên về hiện trạng loài cây trồng được xác định từ năm 2022 trở về trước. Như vậy, việc thu thập thông tin biến động chưa đúng về thời gian được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (trong vòng 15 ngày kể từ ngày có biến động thì chủ rừng phải báo cáo).

- Có 03 đơn vị chủ rừng thực hiện báo cáo thông tin biến động về rừng nhưng không ghi rõ thời gian là ngày tháng năm thay đổi với 19 biểu báo cáo, gồm có: Ban QLRPH Bù Đăng (12 biểu), Ban QLRPH Bù Đốp (03 biểu) và Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú (04 biểu). Việc không ghi rõ ngày tháng năm thay đổi là không đúng theo quy định tại Biểu 01, Phụ lục IV, kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

- Có 05 đơn vị chủ rừng thực hiện báo cáo thông tin biến động về rừng nhưng ghi chưa đúng nguyên nhân thay đổi của các lô rừng từ “nguyên nhân

khác” thành “sai hiện trạng” với 15 biểu báo cáo, gồm có: Ban QLRPH Bù Đăng (04 biểu), Ban QLRPH Đắc Mai (01 biểu), Ban QLRPH Bù Đốp (03 biểu), Ban QLRPH Tà Thiết (01 biểu) và Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú (02 biểu). Việc ghi chưa đúng nguyên nhân thay đổi là chưa đúng theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

(Chi tiết kèm theo Biểu 01)

1.2 Việc xác định thời điểm có biến động về rừng theo các nguyên nhân quy định tại khoản 2, Điều 33, Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

Thời điểm có biến động về rừng được các Ban QLRPH xác định theo các nguyên nhân: Phá rừng; Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; Khai thác rừng trồng; Rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng; Khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng; Thay đổi chủ rừng; Nguyên nhân khác (Sai hiện trạng). Việc xác định thời điểm có biến động về rừng được các Ban QLRPH và các đơn vị chủ rừng thực hiện như sau:

- Phá rừng: Trong 2 năm 2022 đến 2023 có 01 vụ phá rừng do Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú báo cáo trên cơ sở căn cứ biên bản kiểm tra do cơ quan có thẩm quyền lập.

- Trồng rừng: Các đơn vị chủ rừng căn cứ biên bản kiểm tra của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của đơn vị và thay đổi ngoài thực địa hoặc khi kết thúc thời vụ trồng rừng. Đối với diện tích xâm canh căn cứ theo kết quả kiểm tra thực tế do các chốt, tiểu khu hoặc người phân công nhiệm vụ báo cáo về bộ phận.

- Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: Các đơn vị chủ rừng căn cứ Quyết định chuyển mục đích của cấp có thẩm quyền cho phép; căn cứ vào quá trình triển khai trên thực tế của dự án để báo cáo biến động; căn cứ biên bản kiểm tra hiện trạng chuyển đổi MĐSD đất do các Trạm, Chốt bảo vệ rừng phối hợp phòng chuyên môn nghiệp vụ thực hiện; biên bản nghiệm thu hoàn thành khai thác tận dụng gỗ và lâm sản của cấp thẩm quyền; biên bản bàn giao vị trí và diện tích đất thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng trại chăn nuôi heo.

Việc các đơn vị chủ rừng xác định thời điểm chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác mà không căn cứ vào biên bản nghiệm thu hoàn thành khai thác tận dụng gỗ và lâm sản của cấp có thẩm quyền là chưa đúng quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

Tuy nhiên, thực tế các đơn vị đã xác định thời điểm dựa trên các căn cứ khác có liên quan, cụ thể: Căn cứ vào quá trình triển khai trên thực tế của dự án để báo cáo biến động; căn cứ biên bản kiểm tra hiện trạng chuyển đổi MĐSD đất do Trạm bảo vệ rừng phối hợp phòng nghiệp vụ thực hiện; biên bản nghiệm thu hoàn thành khai thác tận dụng gỗ và lâm sản của cấp thẩm quyền; biên bản bàn giao vị trí và diện tích đất thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng trại chăn nuôi heo. Các căn cứ nêu trên là có cơ sở xem xét do phù hợp tình hình thực tế cũng như trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT thì căn cứ vào biên bản nghiệm thu hoàn thành khai thác tận dụng gỗ và lâm sản của cấp có thẩm quyền có sự hạn chế và bất cập, cụ thể như sau:

+ Đối với trường hợp rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, chủ rừng phải lập hồ sơ khai thác lâm sản trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn quyết định. Khi kết thúc khai thác phải lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành khai thác tận dụng gỗ và lâm sản của cấp có thẩm quyền.

+ Các dự án có chuyển MĐSD rừng trên địa bàn tỉnh chủ yếu là rừng trồng cao su, keo lai, điều.... do chủ dự án tự thỏa thuận với các tổ chức cá nhân tự bỏ vốn trồng. Do vậy các chủ dự án quyết định khai thác rừng trồng thuộc sở hữu của mình (được quy định tại Điều 59 Luật Lâm nghiệp năm 2017) mà không cần phải thực hiện các thủ tục về nghiệm thu hoàn thành khai thác.

- Rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng: Căn cứ vào hồ sơ trồng rừng đã cập nhật từ những năm trước, tùy tốc độ sinh trưởng phát triển của từng loài cây, sau 03 năm hoặc 05 năm kể từ ngày có biên bản nghiệm thu kết quả trồng rừng, các đơn vị chủ rừng tiến hành kiểm tra hiện trường diện tích rừng trồng và báo cáo biến động; căn cứ vào kết quả kiểm tra thực địa đối với rừng trồng trong diện tích đất xâm canh, lấn chiếm để báo cáo biến động.

- Khai thác rừng trồng: Căn cứ biên bản kiểm tra của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của đơn vị và thay đổi ngoài thực địa thời điểm kết thúc việc khai thác chính rừng trồng; Đối với các đơn vị có Phương án khai thác được phê duyệt, sau khi đơn vị hoàn thành khai thác các đơn vị cử lực lượng tiến hành nghiệm thu khai thác trên diện tích thiết kế, lập biên bản nghiệm thu làm căn cứ xác định; căn cứ kết quả khai thác rừng trên thực địa và phiếu thông tin khai thác lâm sản để xác định có biến động về rừng.

- Khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng: Sau khi rà soát những diện tích khoanh nuôi tái sinh, các đơn vị chủ rừng (Ban Bù Đốp, Tà Thiết) tiến hành kiểm tra và lập ô tiêu chuẩn đo đếm trữ lượng rừng tự nhiên để xác định đủ tiêu chí thành rừng. Sau đó báo cáo Hạt Kiểm lâm diện tích rừng trồng thành rừng đạt tiêu chí.

- Thay đổi chủ rừng: Các đơn vị chủ rừng căn cứ Quyết định thu hồi đất do cơ quan có thẩm quyền ban hành (UBND tỉnh) để làm căn cứ báo cáo biến động về diện tích.

- Nguyên nhân khác (Sai hiện trạng): Các đơn vị chủ rừng căn cứ biên bản kiểm tra của lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của đơn vị khi phát hiện có thay đổi ngoài thực địa.

2. Đối với các đơn vị là Hạt Kiểm lâm cấp huyện

2.1 Việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiếp nhận và kiểm tra báo cáo thông tin biến động về diện tích rừng

Trong 02 năm, Hạt kiểm lâm các huyện tiếp nhận 104 báo cáo thông tin biến động của các chủ rừng nhóm II và 01 chủ rừng nhóm I (hộ gia đình). Có 19 đơn vị chủ rừng nhóm II không thực hiện báo cáo biến động (huyện Bù Đăng có 14 đơn vị, huyện Bù Đốp là 05 đơn vị). Đối với các đơn vị này Hạt Kiểm lâm các huyện đã chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn phối hợp với UBND các xã và các đơn vị có liên quan để tiến hành kiểm tra xác minh làm cơ sở để cập nhật diễn biến rừng hàng năm.

(Kèm theo Biểu số 02)



Sau khi tiếp nhận thông tin báo cáo của các chủ rừng, Hạt kiểm lâm đã tổ chức và phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra xác minh tại các biên bản kiểm tra theo đúng thời gian quy định. Qua kiểm tra ghi nhận một số thiếu sót như sau:

Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú: Hồ sơ kèm theo các biểu báo cáo ngày 01/7/2022, 15/7/2022, 20/10/2022, do kiểm lâm địa bàn lập chưa kèm theo các hồ sơ có liên quan đối với việc xác định thời điểm có biến động về rừng theo các nguyên nhân, là chưa đúng quy định về việc kiểm tra hồ sơ được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT

Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh: Có 03 biểu báo cáo biến động của Ban QLRPH Lộc Ninh thì thời gian báo cáo và thời gian kiểm tra quá thời hạn 30 ngày theo quy định, cụ thể: Báo cáo ngày 05/7/2022, Hạt Kiểm tra ngày 10/9/2022, chậm 50 ngày; Báo cáo ngày 10/6/2023, Hạt Kiểm tra ngày 06/9/2023 chậm 71 ngày; Báo cáo ngày 10/7/2023, Hạt Kiểm tra ngày 22/8/2023 chậm 27 ngày. Việc kiểm tra chậm trễ thời gian là không đúng theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT

2.2 Công tác cập nhật diễn biến rừng

Sau khi tiến hành kiểm tra hồ sơ diễn biến rừng; kiểm tra xác minh tại hiện trường và thống nhất kết quả biến động với các chủ rừng và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Hạt Kiểm lâm các huyện tiến hành cập nhật diễn biến vào phần mềm cập nhật diễn biến rừng FRMS và đồng bộ kết quả cập nhật lên dữ liệu trung tâm. Qua kiểm tra ngẫu nhiên một số lô rừng cập nhật trên hệ thống. Đoàn thanh tra ghi nhận một số thiếu sót như sau:

- Năm 2022:

+ Tại Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp và Bù Đăng có một số lô rừng đã cập nhật, tuy nhiên việc đồng bộ chưa đảm bảo theo thời gian quy định. Nguyên nhân, theo báo cáo của Hạt Kiểm lâm các huyện do hệ thống phần mềm FRMS bị lỗi (Chi cục Kiểm lâm đã có văn bản đề nghị Chi cục Kiểm lâm vùng 3 và Cục Kiểm lâm hỗ trợ) hệ thống và thường xuyên nâng cấp nên có một số lô rừng phải chờ đến cuối năm mới cập nhật được.

+ Tại Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh, công tác cập nhật số liệu vào hệ thống chưa đảm bảo theo thời gian quy định.

Việc cập nhật và đồng bộ do các đơn vị nêu trên thực hiện chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

Nguyên nhân, theo báo cáo của Hạt Kiểm lâm do máy chủ của trung tâm chặn dữ liệu đồng bộ từ cơ sở có kết quả cập nhật trước ngày 31/01/2023. Hệ thống phần mềm FRMS bị lỗi hệ thống và thường xuyên nâng cấp nên có một số lô rừng phải chờ đến cuối năm mới cập nhật và đồng bộ lên hệ thống được.

Kết quả cập nhật diễn biến rừng năm 2022 của các Hạt kiểm lâm được Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh kiểm tra đánh giá mức độ đầy đủ của tài liệu, cơ sở dữ liệu, kết quả diễn biến rừng tại các Biên bản kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện công tác cập nhật, theo dõi diễn biến rừng và diện tích đất chưa có rừng trên địa

bàn các huyện năm 2022.

- Năm 2023

Hạt Kiểm lâm các huyện cập nhật diễn biến vào phần mềm cập nhật diễn biến rừng FRMS và đồng bộ kết quả cập nhật lên dữ liệu trung tâm theo đúng thời gian quy định.

2.3 Việc chấp hành các quy định của pháp luật về báo cáo và tham mưu phê duyệt và công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng

2.3.1 Năm 2022

a) Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú: Lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Báo cáo số 12/BC-HKL ngày 18/01/2023, Tờ trình số 07/TTr-HKL ngày 18/01/2023, các Biểu kết quả tổng hợp số 01, 02, 03, 04, Bản đồ hiện trạng rừng và thông tin thuộc tính bản đồ (dạng số); UBND huyện công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 14/02/2023 (Chậm tiến độ lý do: UBND huyện chậm ban hành quyết định).

b) Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đăng: Lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Báo cáo số 31/BC-HKL ngày 06/03/2023, Tờ trình số 11/TTr-HKL ngày 06/03/2023, các Biểu kết quả tổng hợp số 02, 03, 04, 05, Bản đồ hiện trạng rừng; trình UBND huyện công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 13/03/2023 (Chậm tiến độ lý do: Phần mềm cập nhật diễn biến rừng FMRS bị lỗi không đồng bộ được dữ liệu).

c) Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập – Phước Long

- Huyện Bù Gia Mập: Hạt lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Báo cáo số 09/BC-HKL ngày 10/02/2023, Tờ trình số 09/TTr-HKL ngày 14/02/2023, các Biểu kết quả tổng hợp số 02, 03, 04, 05, Bản đồ hiện trạng rừng và thông tin thuộc tính bản đồ (dạng số); UBND huyện công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 163/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 (Chậm tiến độ lý do: Phần mềm cập nhật diễn biến rừng FMRS bị lỗi không đồng bộ được dữ liệu).

- Thị xã Phước Long: Hạt lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Báo cáo số 10/BC-HKL ngày 10/02/2023, Tờ trình số 20/TTr-HKL ngày 11/04/2023, các Biểu kết quả tổng hợp số 02, 03, 04, 05, Bản đồ hiện trạng rừng và thông tin thuộc tính bản đồ (dạng số); UBND thị xã công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 25/04/2023 (Chậm tiến độ lý do: Phần mềm cập nhật diễn biến rừng FMRS bị lỗi không đồng bộ được dữ liệu).

d) Hạt Kiểm lâm Huyện Bù Đốp: Lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Báo cáo số 33/BC-HKL ngày 22/03/2023; Tờ trình số 06/TTr-HKL ngày 23/03/2023, các Biểu kết quả tổng hợp số 02, 03, 04, 05, Bản đồ hiện trạng rừng; trình UBND huyện công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 04/04/2023 (Chậm tiến độ lý do: Phần mềm cập nhật diễn biến rừng FMRS bị lỗi không đồng bộ được dữ liệu).

e) Hạt Kiểm lâm Huyện Lộc Ninh: Hạt Kiểm lâm có Báo cáo số 130/BC-HKL ngày 23/3/2023 của Hạt Kiểm lâm kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Lộc Ninh năm 2022. Đồng thời trình UBND huyện Lộc Ninh phê duyệt tại Tờ trình số 135/TTr-HKL ngày 24/3/2023 về việc tham mưu UBND huyện Quyết định công bố hiện trạng rừng trên địa bàn

huyện Lộc Ninh năm 2022. UBND huyện Lộc Ninh công bố hiện trạng rừng huyện Lộc Ninh năm 2022 tại Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 11/4/2023.

Việc Hạt Kiểm lâm các huyện: Bù Đăng, Bù Gia Mập – Phước Long, Bù Đốp, Lộc Ninh thực hiện báo cáo, lập hồ sơ phê duyệt kết quả trình UBND huyện quyết định công bố hiện trạng rừng không đúng theo thời gian quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

2.3.1 Năm 2023

a) Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú: Hạt Kiểm lâm lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Báo cáo số 06/BC-HKL ngày 15/01/2024, Tờ trình số 01/TTr-HKL ngày 15/01/2024, các Biểu kết quả tổng hợp số 01, 02, 03, 04, Bản đồ hiện trạng rừng và thông tin thuộc tính bản đồ (dạng số); UBND huyện công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 25/01/2024.

b) Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đăng: lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Báo cáo số 06/BC-HKL ngày 16/01/2024, Tờ trình số 03/TTr-HKL ngày 16/01/2024, các Biểu kết quả tổng hợp số 02, 03, 04, 05, Bản đồ hiện trạng rừng; trình UBND huyện công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 112/QĐ-UBND ngày 18/01/2024

c) Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập – Phước Long

+ Huyện Bù Gia Mập: Hạt lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Báo cáo số 01/BC-HKL ngày 18/01/2024, Tờ trình số 02/TTr-HKL ngày 19/01/2024, các Biểu kết quả tổng hợp số 02, 03, 04, 05, Bản đồ hiện trạng rừng và thông tin thuộc tính bản đồ (dạng số); UBND huyện công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 29/01/2024.

+ Thị xã Phước Long: Hạt lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Tờ trình số 04/TTr-HKL ngày 25/04/2023, các Biểu kết quả tổng hợp số 02, 03, 04, 05, Bản đồ hiện trạng rừng và thông tin thuộc tính bản đồ (dạng số); UBND thị xã công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 31/01/2024.

d) Hạt Kiểm lâm Huyện Bù Đốp: Lập hồ sơ phê duyệt kết quả gồm có: Báo cáo số 04/BC-HKL ngày 16/01/2024; Tờ trình số 03/TTr-HKL ngày 16/01/2024, các Biểu kết quả tổng hợp số 02, 03, 04, 05, Bản đồ hiện trạng rừng; trình UBND huyện công bố hiện trạng rừng tại Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 17/01/2024.

e) Hạt Kiểm lâm Huyện Lộc Ninh: Hạt Kiểm lâm có Báo cáo số 34/BC-HKL ngày 23/01/2024 của Hạt Kiểm lâm kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Lộc Ninh năm 2023. Đồng thời trình UBND huyện Lộc Ninh phê duyệt tại Tờ trình số 35/TTr-HKL ngày 23/1/2024 về việc tham mưu UBND huyện Quyết định công bố hiện trạng rừng trên địa bàn huyện Lộc Ninh năm 2023. UBND huyện Lộc Ninh công bố hiện trạng rừng huyện Lộc Ninh năm 2023 tại Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 26/01/2024.

III. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về theo dõi diễn biến rừng theo: trạng thái rừng, chủ rừng, mục đích sử dụng rừng, nguyên nhân

Phần mềm theo dõi diễn biến rừng FRMS không có chức năng tổng hợp số liệu cho các đơn vị chủ rừng. Do vậy, Đoàn thanh tra tổng hợp dựa trên số liệu theo dõi diễn biến rừng theo: trạng thái rừng, chủ rừng, mục đích sử dụng

rừng, nguyên nhân do Hạt Kiểm lâm các huyện thực hiện, cụ thể kết quả như sau:

1. Theo dõi diễn biến rừng theo trạng thái rừng

Stt	Nội dung	2022	2023	Ghi chú
1	Theo dõi diễn biến diện tích rừng	-130,34	-305,10	
a)	Rừng tự nhiên	131,28	-0,55	
b)	Rừng trồng	-261,62	-304,55	
c)	Rừng trên núi đất	-129,89	-305,11	
d)	Rừng gỗ, rừng tre nứa, rừng hỗn giao, rừng cau dừa	125,33	0,00	
2	Theo dõi diễn biến diện tích chưa có rừng	-49,31	183,38	
a)	Diện tích cây trồng chưa thành rừng	139,75	293,39	
b)	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	-114,39	-4,73	
c)	Diện tích khác	-74,67	-105,28	

2. Theo dõi diễn biến rừng theo chủ rừng

Stt	Nội dung	2022	2023	Ghi chú
a)	Ban quản lý rừng đặc dụng	0,00	0,00	
b)	Ban quản lý rừng phòng hộ	980,98	-146,69	
c)	Tổ chức kinh tế	647,27	-76,84	
a)	Tổ chức KH&CN, đào tạo, giáo dục	207,53	-19,20	
b)	Hộ gia đình cá nhân trong nước	21,48	46,04	
c)	UBND xã	0,00	0,00	

3. Theo dõi diễn biến rừng theo mục đích sử dụng rừng

Stt	Nội dung	2022	2023	Ghi chú
a)	Rừng đặc dụng	0,00	0,00	
b)	Rừng phòng hộ	0,00	0,00	
c)	Rừng sản xuất	-179,92	-108,41	

4. Theo dõi diễn biến rừng theo nguyên nhân

Stt	Nội dung	2022	2023	Ghi chú
1	Tăng diện tích	1.259,28	1.584,80	
a)	Trồng rừng	558,49	697,34	
b)	Rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng	392,00	622,10	
c)	Khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng	37,93	0,00	

d)	Các nguyên nhân khác	270,86	265,36	
2	Giảm diện tích	-897,01	1.239,07	
a)	Khai thác rừng	-630,17	1.045,83	
b)	Khai thác rừng trái phép	0,00	0,00	
c)	Cháy rừng	0,00	0,00	
d)	Phá rừng trái pháp luật, lấn chiếm đất rừng	0,00	-0,11	
d)	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	-179,65	-119,30	
e)	Các nguyên nhân khác	-87,19	-73,83	

(Kèm theo Biểu 3)

Qua kiểm tra số liệu báo cáo và đối chiếu kết quả công bố hiện trạng rừng hàng năm của UBND các huyện. Đoàn thanh tra ghi nhận một số thiếu sót như sau:

- Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh thực hiện việc theo dõi diễn biến rừng theo chủ rừng chưa đúng quy định, cụ thể:

+ Năm 2022 có thực hiện cập nhật giảm diện tích do nguyên nhân chuyển mục đích sử dụng rừng là 75,22 ha. Tuy nhiên số liệu diện tích phân theo chủ rừng năm 2022 theo Quyết định 924/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND huyện Lộc Ninh so với số liệu công bố hiện trạng năm 2021 theo Quyết định 5188/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 không thay đổi.

+ Năm 2023 có thực hiện cập nhật giảm diện tích do nguyên nhân chuyển mục đích sử dụng rừng là 35,58 ha. Tuy nhiên số liệu diện tích phân theo chủ rừng năm 2023 theo Quyết định 330/QĐ-UBND ngày 26/1/2024 của UBND huyện Lộc Ninh so với số liệu công bố hiện trạng năm 2022 theo Quyết định 924/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của UBND huyện Lộc Ninh thay đổi diện tích là 110,82 ha.

Như vậy, Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh thực hiện việc theo dõi diễn biến rừng theo chủ rừng chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT. Theo giải trình của Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh, nguyên nhân do dữ liệu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 của huyện Lộc Ninh trên phần mềm FMRS bị lỗi, dẫn đến không thực hiện tách diện tích này ra khỏi mục đích đất lâm nghiệp.

IV. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về thành quả theo dõi diễn biến rừng; việc quản lý; lưu trữ hồ sơ và cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng

1. Đối với các đơn vị chủ rừng

1.1 Bản đồ kết quả diễn biến rừng theo hệ quy chiếu VN-2000; tỷ lệ theo quy định: Qua kiểm tra 07 đơn vị chủ rừng, kết quả cho thấy các đơn vị có bản đồ theo đúng quy định.

1.2 Biểu tổng hợp theo dõi diễn biến rừng và diện tích chưa thành rừng:

Có 07 chủ rừng qua kiểm tra không lập Biểu tổng hợp theo dõi diễn biến rừng và diện tích chưa thành rừng của chủ rừng nhóm II là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT. Hạn chế này không thuộc trách nhiệm của các đơn vị chủ rừng mà do hệ thống phần mềm FRMS không có chức năng tổng hợp số liệu cho các chủ rừng nhóm II nên các đơn vị không xuất dữ liệu để tổng hợp cho đơn vị.

1.3 Việc quản lý lưu trữ kết quả theo dõi diễn biến rừng:

- Dữ liệu kết quả theo dõi diễn biến rừng (dạng giấy và dạng số) được quản lý lưu trữ hằng năm.

- Dữ liệu kết quả dạng giấy của chủ rừng được lưu trữ tại đơn vị.

Qua kiểm tra, Đoàn thanh tra ghi nhận hồ sơ được lưu trữ đầy đủ tại 07 đơn vị.

2. Đối với các đơn vị là Hạt Kiểm lâm cấp huyện

2.1 Bản đồ kết quả diễn biến rừng theo hệ quy chiếu VN-2000; tỷ lệ theo quy định, gồm có:

- Bản đồ hiện trạng rừng cấp huyện lệ 1/50.000 năm 2022, năm 2023: 05 Hạt Kiểm lâm có đầy đủ

- Bản đồ hiện trạng rừng cấp xã tỷ lệ 1/10.000 năm 2022 và năm 2023 đối với các xã có biến động: 05 Hạt Kiểm lâm có đầy đủ

- Bản đồ hiện trạng rừng năm 2022 và năm 2023 của các chủ rừng nhóm II: 05 Hạt Kiểm lâm có đầy đủ.

- Biên bản giao nhận Bản đồ hiện trạng rừng.

2.2 Bảng tổng hợp theo dõi diễn biến rừng (biểu 02,03, 04, 05 phụ lục IV)

Qua kiểm tra hồ sơ 02 năm các biểu số 02, 03, 04 và Biểu số 05 tại Hạt Kiểm lâm các huyện đều lưu trữ đầy đủ.

Riêng biểu tổng hợp theo dõi diễn biến rừng và diện tích chưa thành rừng của chủ rừng nhóm II trong 2 năm 2022 và 2023 không được lập, ký xác nhận và lưu trữ. Qua làm việc, Hạt kiểm lâm giải trình do phần mềm FMRS không cho xuất dữ liệu của chủ rừng nhóm II.

3. Lưu trữ kết quả theo dõi diễn biến rừng

Qua kiểm tra công tác lưu trữ, Đoàn thanh tra ghi nhận Hạt kiểm lâm các huyện thực hiện việc lưu trữ dữ liệu kết quả theo dõi diễn biến rừng (dạng giấy và dạng số) theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 38 Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT, cụ thể:

- Dữ liệu kết quả dạng giấy của cấp huyện được quản lý lưu trữ tại Hạt Kiểm lâm cấp huyện.

- Dữ liệu kết quả dạng giấy của cấp xã được quản lý lưu trữ tại UBND cấp xã và Hạt Kiểm lâm cấp huyện.

- Dữ liệu kết quả dạng số được tích hợp vào cơ sở dữ liệu trên Hệ thống thông tin ngành Lâm nghiệp và được quản lý lưu trữ tại Hạt Kiểm lâm cấp huyện.

- Dữ liệu kết quả theo dõi diễn biến rừng (dạng giấy và dạng số) được quản lý lưu trữ hằng năm theo quy định.

V. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về hướng dẫn, kiểm tra công tác theo dõi diễn biến rừng (đối với hạt Kiểm lâm cấp huyện)

1. Việc hướng dẫn, đôn đốc công tác theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn huyện

Hạt Kiểm lâm các huyện thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở, hướng dẫn các đơn vị chủ rừng chấp hành các quy định về theo dõi diễn biến rừng trên lâm phần được giao quản lý. Gồm có: Hạt Kiểm lâm Đồng Phú có 09 văn bản; Hạt Kiểm lâm Bù Đăng có 04 văn bản; Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập – Phước Long có 07 văn bản; Hạt Kiểm lâm Bù Đốp có 03 văn bản; Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh có 03 văn bản.

2. Việc kiểm tra công tác theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn huyện

Hàng năm, Hạt Kiểm lâm các huyện đều xây dựng các kế hoạch, phối hợp với các đơn vị chủ rừng tiến hành kiểm tra, xác minh, đo đạc diện tích thay đổi theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện. Trên cơ sở Kế hoạch kiểm tra, sau khi tiếp nhận các biểu thông tin báo cáo, Hạt Kiểm lâm đã phối hợp với chủ rừng và các đơn vị có liên quan tiến hành kiểm tra và cập nhật số liệu.

Ngoài ra, Hạt Kiểm lâm còn phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tiến hành kiểm tra công tác cập nhật diễn biến rừng cuối năm để thống nhất số liệu, đồng bộ cơ sở dữ liệu và tổng hợp báo cáo kết quả hàng năm.

VI. Kết quả kiểm tra thực địa

1. Ban QLRPH Bù Đăng

- Tại các vị trí: Lô 13, khoảnh 6, tiểu khu 191; lô 19 khoảnh 8, tiểu khu 196; lô 18, khoảnh 6, tiểu khu 187B; lô 9, khoảnh 8, tiểu khu 1844. Kết quả kiểm tra hiện trạng giữa thực địa và bản đồ hiện trạng rừng 2023 là phù hợp.

- Tại lô 19, khoảnh 8, tiểu khu 196 có một phần diện tích trên thực địa là cây cà phê trồng năm 2021, theo bản đồ hiện trạng 2023 là RTK;

- Tại lô 11, khoảnh 5, tiểu khu 197 có một phần diện tích trên thực địa là Rừng trồng cao su năm 2022, theo bản đồ hiện trạng 2023 là RTK;

- Tại lô 3, khoảnh 6, tiểu khu 191 có một phần diện tích trên thực địa là cây nông nghiệp, theo bản đồ hiện trạng 2023 là RTK;

2. Ban QLRPH Đắc Mai

- Tại các vị trí: Lô 5, khoảnh 9, tiểu khu 127; lô 29 khoảnh 2, tiểu khu 114; lô 23, khoảnh 6, tiểu khu 114. Hiện trạng giữa thực địa và bản đồ hiện trạng rừng 2023 là phù hợp.

- Tại lô 4, khoảnh 7, tiểu khu 127; lô 6, 9, khoảnh 6, tiểu khu 127 có hiện trạng trên thực tế là đất nông nghiệp, tuy nhiên theo bản đồ thể hiện là rừng trồng khác.

3. Ban QLRPH Bù Đốp

- Tại các vị trí: Lô 4, khoảnh 1, tiểu khu 69; lô 1, khoảnh 1, tiểu khu 69; lô 1, khoảnh 7, tiểu khu 69. Hiện trạng giữa thực địa và bản đồ hiện trạng rừng 2023 là phù hợp (rừng tự nhiên).

- Tại lô 2, khoảnh 5, tiểu khu 59. Hiện trạng giữa thực địa và bản đồ hiện trạng rừng 2023 là phù hợp (đã chuyển MĐSD đất).

- Tại lô 15, khoảnh 8, tiểu khu 64. Hiện trạng giữa thực địa và bản đồ hiện trạng rừng 2023 là phù hợp (nguyên nhân khác).

4. Ban QLRPH Tà Thiết

- Tại các vị trí: Lô 3, khoảnh 3, tiểu khu 222; lô 1, khoảnh 6, tiểu khu 222; lô 2, khoảnh 3, tiểu khu 224; lô 17, khoảnh 6, tiểu khu 224. Hiện trạng giữa thực địa và bản đồ hiện trạng rừng 2023 là phù hợp.

- Tại lô 12, 15a, 15b, khoảnh 2, tiểu khu 224 có hiện trạng trên thực tế là đất trồng rừng (cây keo lai trồng 2023), tuy nhiên theo bản đồ thể hiện là đất trống.

Theo giải trình của Ban Tà Thiết thì diện tích trên Ban Tà Thiết đã cập nhật nguyên nhân là khai thác năm 2023, tại thời điểm cập nhật là đất trống. Tháng 6/2024, Ban Tà Thiết đã cập nhật và báo cáo diện tích trên để Hạt Kiểm lâm kiểm tra và cập nhật.

Như vậy, việc thu thập thông tin biến động một số lô rừng của các đơn vị chủ rừng nêu trên là chưa đúng về thời gian được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

C. Kết luận những nội dung đã tiến hành thanh tra

I. Đánh giá ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân

1. Về ưu điểm

- Hạt Kiểm lâm các huyện, thị đã triển khai thực hiện nghiêm túc và đúng theo quy định của pháp luật về theo dõi diễn biến rừng. Hàng năm, Hạt Kiểm lâm các huyện đã thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, cập nhật và tổng hợp báo cáo số liệu theo quy định, kịp thời báo cáo và trình các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công bố hiện trạng rừng hàng năm. Hồ sơ tài liệu, cơ sở dữ liệu và bản đồ hiện trạng được lưu trữ đầy đủ, đúng theo quy định. Công tác kiểm tra, hướng dẫn các đơn vị chủ rừng đã được triển khai thường xuyên, đảm bảo theo kế hoạch và kết quả đề ra.

- Các đơn vị chủ rừng là các Ban QLRPH có đội ngũ cán bộ kỹ thuật trẻ, có trình độ kỹ thuật và am hiểu về công nghệ xử lý bản đồ nên công tác theo dõi diễn biến rừng thực hiện có nhiều thuận lợi. Khi phát hiện có thay đổi về hiện trạng, các đơn vị đã chủ động chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tham mưu thực hiện theo các trình tự theo quy định. Phối hợp tham gia kiểm tra cùng Hạt Kiểm lâm các huyện để làm cơ sở thực hiện theo dõi diễn biến rừng.

2. Về hạn chế

- Một số Hạt Kiểm lâm cấp huyện còn chậm trễ trong việc kiểm tra các báo cáo thông tin biến động do các chủ rừng thực hiện; cập nhật số liệu theo dõi diễn biến rừng chưa đảm bảo về thời gian cập nhật số liệu theo dõi diễn biến rừng vào phần mềm theo quy định; công tác cập nhật diễn biến rừng và đồng bộ dữ liệu và tham mưu trình các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định công bố hiện trạng rừng năm 2022 còn chậm và số liệu chưa đảm bảo.

- Một số đơn vị là Ban QLRPH còn sai sót trong quá trình báo cáo biến động, cụ thể: báo cáo chậm thời gian; phát hiện và báo cáo đối với những lô rừng đã biến động từ những năm trước. Việc lập báo cáo thông tin biến động còn chưa thể hiện đúng thông tin về thời gian theo yêu cầu, cũng như các xác định nguyên nhân thay đổi.

- Các biểu tổng hợp số liệu cho các đơn vị chủ rừng chưa được phần mềm theo dõi diễn biến rừng FMRS tổng hợp và xuất dữ liệu làm cơ sở theo dõi và báo cáo theo đúng quy định.

3. Về nguyên nhân

- Ngoài nguyên nhân khách quan là hệ thống phần mềm theo dõi diễn biến rừng FMRS bị lỗi hệ thống, còn có nguyên nhân chủ quan của một số công chức được giao thực hiện nhiệm vụ theo dõi diễn biến rừng, cụ thể: chậm trễ thực hiện kiểm tra các chủ rừng; số liệu tham mưu báo cáo chưa kiểm tra rà soát trước khi công bố.

- Một số Ban QLRPH có lực lượng bảo vệ rừng còn hạn chế, chủ yếu tập trung cho công tác quản lý và bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện còn. Trong khi đó diện tích đất xâm canh, lấn chiếm trong lâm phần các đơn vị quản lý là rất lớn, người dân khi thay đổi hiện trạng thì không báo cáo dẫn đến việc phát hiện các biến động còn chậm trễ; Cán bộ, viên chức một số đơn vị còn chủ quan trong việc thực hiện lập báo cáo thông tin biến động mà chưa nghiên cứu kỹ các quy định của pháp luật dẫn đến từ ngữ sử dụng chưa phù hợp.

II. Những tồn tại, hạn chế, thiếu sót trong việc chấp hành các quy định pháp luật về quy trình thực hiện theo dõi diễn biến

1. Tồn tại, hạn chế, thiếu sót trong việc chấp hành các quy định pháp luật về thu thập và báo cáo thông tin biến động về diện tích rừng đối với các đơn vị chủ rừng là các Ban QLRPH và Hạt Kiểm lâm

- Có 05 đơn vị chủ rừng thực hiện thu thập thông tin biến động về rừng chưa đảm bảo về thời gian quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, gồm có: Ban QLRPH Bù Đăng, Ban QLRPH Đắk Mai, Ban QLRPH Bù Đốp và Ban QLRPH Tà Thiết và Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú.

- Có 03 đơn vị chủ rừng thực hiện báo cáo thông tin biến động về rừng nhưng không ghi rõ thời gian là ngày tháng năm thay đổi, là không đúng theo quy định tại Biểu 01, Phụ lục IV, kèm theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT, gồm có: Ban QLRPH Bù Đăng, Ban QLRPH Bù Đốp và Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú.

- Có 05 đơn vị chủ rừng thực hiện báo cáo thông tin biến động về rừng nhưng xác định nguyên nhân thay đổi là “Sai hiện trạng”, là không đúng nguyên nhân thay đổi theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT, gồm có: Ban QLRPH Bù Đăng, Ban QLRPH Bù Đốp, Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú và Ban QLRPH Tà Thiết.

Những tồn tại, hạn chế, thiếu sót nêu trên thuộc về trách nhiệm của lãnh đạo, công chức, viên chức được phân công theo dõi công tác diễn biến rừng của các đơn vị chủ rừng.

Ngoài ra, trong 02 năm từ 2022 đến 2023, trên địa bàn 02 huyện Bù Đăng và Bù Đốp có 19 chủ rừng nhóm II (các tổ chức kinh tế) có biến động về rừng nhưng không thực hiện báo cáo là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT. Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đăng và Bù Đốp trong quá trình quản lý, đã phát hiện các chủ rừng có biến động nên đã chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn các xã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan

kiểm tra và lập báo cáo biến động làm cơ sở kiểm tra và cập nhật diễn biến rừng theo đúng quy định.

2. Tồn tại, hạn chế trong việc chấp hành các quy định pháp luật về xác định thời điểm có biến động về rừng theo các nguyên nhân

- Việc các đơn vị chủ rừng xác định thời điểm chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác mà không căn cứ vào biên bản nghiệm thu hoàn thành khai thác tận dụng gỗ và lâm sản của cấp có thẩm quyền là chưa đúng quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

Tuy nhiên, thực tế các đơn vị đã xác định thời điểm dựa trên các căn cứ khác có liên quan, cụ thể: Căn cứ vào quá trình triển khai trên thực tế của dự án để báo cáo biến động; căn cứ biên bản kiểm tra hiện trạng chuyển đổi MĐSD đất do Trạm bảo vệ rừng phối hợp phòng nghiệp vụ thực hiện; biên bản nghiệm thu hoàn thành khai thác tận dụng gỗ và lâm sản của cấp thẩm quyền; biên bản bàn giao vị trí và diện tích đất thực hiện dự án chuyển mục đích sử dụng đất sang xây dựng trại chăn nuôi heo. Các căn cứ nêu trên là có cơ sở xem xét do phù hợp tình hình thực tế cũng như trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

Theo quy định tại điểm đ, khoản 2, Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT thì căn cứ vào biên bản nghiệm thu hoàn thành khai thác tận dụng gỗ và lâm sản của cấp có thẩm quyền có sự hạn chế và bất cập, cụ thể như sau:

+ Đối với trường hợp rừng trồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, chủ rừng phải lập hồ sơ khai thác lâm sản trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn quyết định. Khi kết thúc khai thác phải lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành khai thác tận dụng gỗ và lâm sản của cấp có thẩm quyền.

+ Các dự án có chuyển MĐSD rừng trên địa bàn tỉnh chủ yếu là rừng trồng cao su, keo lai, điều.... do chủ dự án tự thỏa thuận với các tổ chức cá nhân tự bỏ vốn trồng. Do vậy các chủ dự án quyết định khai thác rừng trồng thuộc sở hữu của mình (được quy định tại Điều 59 Luật Lâm nghiệp năm 2017) mà không cần phải thực hiện các thủ tục về nghiệm thu hoàn thành khai thác.

3. Hạn chế, thiếu sót trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiếp nhận và kiểm tra báo cáo thông tin biến động về diện tích rừng đối với các đơn vị là Hạt Kiểm lâm cấp huyện

- Có 01 đơn vị là Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú thực hiện kiểm tra báo cáo thông tin biến động mà hồ sơ kèm theo các biểu báo cáo do kiểm lâm địa bàn lập chưa kèm theo các hồ sơ có liên quan đối với việc xác định thời điểm có biến động về rừng theo các nguyên nhân, là chưa đúng quy định về việc kiểm tra hồ sơ được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT

- Có 01 đơn vị là Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh thực hiện kiểm tra 03 báo cáo thông tin biến động chậm trễ thời gian theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

Những hạn chế, thiếu sót nêu trên thuộc về trách nhiệm của lãnh đạo, công chức, viên chức được phân công theo dõi công tác diễn biến rừng của các Hạt Kiểm lâm nêu trên.

4. Tồn tại, hạn chế trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về cập nhật diễn biến rừng



Năm 2022, Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp và Bù Đăng có một số lô rừng đã cập nhật, tuy nhiên việc đồng bộ chưa đảm bảo theo thời gian quy định; Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh, công tác cập nhật số liệu vào hệ thống chưa đảm bảo theo thời gian quy định. Việc cập nhật và đồng bộ do các đơn vị nêu trên thực hiện chưa đảm bảo thời gian theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

Theo giải trình của của Hạt Kiểm lâm các huyện, nguyên nhân do hệ thống phần mềm FRMS bị lỗi hệ thống và thường xuyên nâng cấp nên có một số lô rừng phải chờ đến cuối năm mới cập nhật được lỗi (Chi cục Kiểm lâm đã có văn bản số 149/CCKL-QLBVR ngày 24/3/2023 đề nghị Chi cục Kiểm lâm vùng 3 và Cục Kiểm lâm hỗ trợ). Đến năm 2023 các đơn vị đã triển khai thực hiện cập nhật và đồng bộ theo đúng quy định.

Những hạn chế nêu trên thuộc về trách nhiệm của công chức được phân công theo dõi công tác diễn biến rừng của các Hạt Kiểm lâm nêu trên.

5. Hạn chế, thiếu sót trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về báo cáo và tham mưu phê duyệt và công bố kết quả theo dõi diễn biến rừng

Trong năm 2022, Hạt Kiểm lâm các huyện: Bù Đăng, Bù Gia Mập – Phước Long, Bù Đốp, Lộc Ninh thực hiện báo cáo, lập hồ sơ phê duyệt kết quả trình UBND huyện quyết định công bố hiện trạng rừng không đúng theo thời gian quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

Theo giải trình của Hạt Kiểm lâm các huyện, nguyên nhân do hệ thống phần mềm FRMS bị lỗi hệ thống, không đồng bộ được dữ liệu. Năm 2023, các đơn vị đã triển khai thực hiện theo đúng quy định.

III. Tồn tại, hạn chế trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về theo dõi diễn biến rừng theo: trạng thái rừng, chủ rừng, mục đích sử dụng rừng, nguyên nhân

Hạt Kiểm lâm Lộc Ninh thực hiện việc tổng hợp số liệu theo dõi diễn biến rừng theo chủ rừng chưa chính xác, là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT. Tuy nhiên, do dữ liệu chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 của huyện Lộc Ninh trên phần mềm FMRS bị lỗi, dẫn đến không thực hiện tách diện tích này ra khỏi mục đích đất lâm nghiệp.

VI. Tồn tại, hạn chế, bất cập trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về thành quả theo dõi diễn biến rừng; việc quản lý; lưu trữ hồ sơ và cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng

Có 07 chủ rừng qua kiểm tra không lập Biểu tổng hợp theo dõi diễn biến rừng và diện tích chưa thành rừng của chủ rừng nhóm II là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 38 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT. Hạn chế này không thuộc trách nhiệm của các đơn vị chủ rừng mà do hệ thống phần mềm FRMS không có chức năng tổng hợp số liệu cho các chủ rừng nhóm II nên các đơn vị không xuất dữ liệu để tổng hợp cho đơn vị.

D. Kiến nghị biện pháp xử lý

Từ kết quả thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT kiến nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT các nội dung như sau:

1. Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm:

- Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm các huyện Lộc Ninh, Đồng Phú, Bù Đăng, Bù Đốp nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những thiếu sót, hạn chế trong công tác theo dõi diễn biến rừng như đã nêu tại Mục C. II. 3. và C. II. 4.

- Tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành văn bản chấn chỉnh công tác theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh đối với các chủ rừng nhóm II trong việc thực hiện báo cáo thông tin biến động.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác theo dõi diễn biến rừng của Hạt Kiểm lâm các huyện và các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công chức, viên chức thực hiện công tác theo dõi diện biến rừng tại Hạt Kiểm lâm các huyện và các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh.

2. Chỉ đạo Ban QLRPH Đắc Mai và Ban QLRPH Bù Đốp nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những thiếu sót, hạn chế trong công tác theo dõi diễn biến rừng như đã nêu tại Mục C. II. 1.

3. Đề nghị UBND huyện Bù Đăng chỉ đạo Ban QLRPH Bù Đăng nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, hạn chế trong công tác theo dõi diễn biến rừng đã nêu tại Mục C. II. 1.

4. Đề nghị UBND huyện Lộc Ninh chỉ đạo Ban QLRPH Tà Thiết nghiêm túc rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, hạn chế trong công tác theo dõi diễn biến rừng đã nêu tại Mục C. II. 1.

5. Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tham mưu văn bản kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật liên quan đến công tác theo dõi diễn biến rừng như sau:

- Kiến nghị Cục Kiểm lâm xử lý, điều chỉnh phần mềm FMRS để thực hiện xuất dữ liệu theo dõi diễn biến rừng cho chủ rừng nhóm II theo đúng quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Kiến nghị Cục Kiểm lâm tham mưu Bộ Nông nghiệp và PTNT điều chỉnh, bổ sung căn cứ xác định thời điểm chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác tại Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 cho phù hợp với thực tế.

Trên đây Kết luận của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT về việc chấp hành các quy định pháp luật về theo dõi diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh Bình Phước./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Hạt Kiểm lâm các huyện, liên huyện – thị xã;
- Các Ban QLRPH trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, Đoàn TTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Đình Hà



Biểu 01: Tổng hợp kết quả kiểm tra biểu báo cáo biến động các chủ rừng
(Kèm theo Kết luận Thanh tra số 12/KL-TTr ngày 08/11/2024
của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT)

Stt	Đơn vị	Số phiếu báo cáo	Nội dung			Ghi chú
			Xác định thời điểm biến động trễ	Không thống kê ngày tháng năm thay đổi	Ghi sai nguyên nhân	
2022		49	11	19	15	
1	Ban QLRPH Bù Đăng	11	1	9	8	Sai hiện trạng
2	Ban QLRPH Đắc Mai	5	1			
3	Ban QLRPH Bù Đốp	3	2	3	2	Sai hiện trạng
4	Ban QLRPH Lộc Ninh	10				
5	Ban QLRPH Tà Thiết	12	2		3	Sai hiện trạng
6	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú	7	5	7	2	
7	Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập – Phước long	1				
2023		48	12	19	11	
1	Ban QLRPH Bù Đăng	12	5	12	4	Sai hiện trạng
2	Ban QLRPH Đắc Mai	3			1	Sai hiện trạng
3	Ban QLRPH Bù Đốp	3	3	3	3	Sai hiện trạng
4	Ban QLRPH Lộc Ninh	13				
5	Ban QLRPH Tà Thiết	12	3		1	Sai hiện trạng
6	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú	4	1	4	2	Sai hiện trạng
7	Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập – Phước long	1				
Tổng		97	23	38	26	



Biểu 02: Tổng hợp kết quả tiếp nhận biểu báo cáo biến động
do Hạt Kiểm lâm cấp huyện thực hiện
(Kèm theo Kết luận Thanh tra số 12/KL-TTr ngày 08/11/2024
của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT)

Stt	Đơn vị	Tiếp nhận báo cáo			Ghi chú
		Chủ rừng nhóm II báo cáo	Chủ rừng nhóm II không báo cáo	Chủ rừng nhóm I báo cáo	
2022		52	9	1	0
1	Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đăng	10	7		Kiểm lâm địa bàn xác minh báo cáo
2	Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp	3	2		
3	Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh	22			
4	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú	10		1	
5	Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập – Phước long	7			
2023		52	10	0	
1	Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đăng	12	7		Kiểm lâm địa bàn xác minh báo cáo
2	Hạt Kiểm lâm huyện Bù Đốp	3	3		
3	Hạt Kiểm lâm huyện Lộc Ninh	25			
4	Hạt Kiểm lâm huyện Đồng Phú	7			
5	Hạt Kiểm lâm liên huyện, thị xã Bù Gia Mập – Phước long	5			
Tổng		104	19	1	



Biểu 03: Tổng hợp kết quả theo dõi diễn biến rừng theo: trạng thái rừng, chủ rừng, mục đích sử dụng rừng, nguyên nhân
(Kèm theo Kết luận Thanh tra số 12/KL-TTr ngày 08/11/2024 của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT)

S t t	Nội dung	2022						2023							
		Tổng	Huyện Bù Đăng	Thị xã Phước Long	Huyện Bù Gia Mập	Huyện Bù Đốp	Huyện Lộc Ninh	Huyện Đồng Phú	Tổng	Huyện Bù Đăng	Thị xã Phước Long	Huyện Bù Gia Mập	Huyện Bù Đốp	Huyện Lộc Ninh	Huyện Đồng Phú
I	Theo dõi diễn biến diện tích theo trạng thái rừng														
1	Theo dõi diễn biến diện tích rừng	-130,34	10,76	7,07	17,76	-13,83	-95,25	-56,85	-305,10	-279,55	1,69	-9,75	202,44	42,37	-262,30
a)	Rừng tự nhiên	131,28				125,33	5,95		-0,55						-0,55
b)	Rừng trồng	-261,62	10,76	7,07	17,76	-139,16	-101,20	-56,85	-304,55	-279,55	1,69	-9,75	202,44	42,37	-261,75
c)	Rừng trên núi đất	-129,89	10,76	7,07	17,76	-13,38	-95,25	-56,85	-305,11	-279,55	1,69	-9,75	202,44	42,37	-262,31
d)	Rừng gỗ, rừng tre nứa, rừng hỗn giao, rừng cau dừa	125,33				125,33			0,00						
2	Theo dõi diễn biến diện tích chưa có rừng	-49,31	-22,76	-7,07	-28,62	-31,68	20,03	20,79	183,38	219,57	-1,69	9,75	-202,44	-77,97	236,16
a)	Diện tích cây trồng chưa thành rừng	139,75	-2,05	-6,59	-29,61	90,61	79,72	7,67	293,39	219,33	-1,89	-52,97	-48,88	-66,52	244,32
b)	Diện tích khoanh nuôi tái sinh	-114,39				-92,32	-22,09	0,02	-4,73	-5,11		0,38			
c)	Diện tích khác	-74,67	-20,71	-0,48	0,99	-29,97	-37,60	13,10	-105,28	5,35	0,20	62,34	-153,56	-11,45	-8,16
II	Theo dõi diễn biến diện tích theo chủ rừng	-104,70	-12,00	0,00	-10,86	-45,78	0,00	-36,06	-196,69	-59,98	0,00	-0,02	0,28	-110,82	-26,15
a)	Ban quản lý rừng đặc dụng	0,00							0,00						
b)	Ban quản lý rừng phòng hộ	-980,98	-955,50			-25,48			-146,69	-48,08			0,29	-98,90	
c)	Tổ chức kinh tế	647,27	792,82		-10,86	-103,83		-30,86	-76,84	-50,19		-0,02		-11,92	-14,71
a)	Tổ chức KH&CN, đào tạo, giáo dục	207,53	143,28			89,61		-25,36	-19,20	12,24					-31,44
b)	Hộ gia đình cá nhân trong nước	21,48	7,40			-6,08		20,16	46,04	26,05			-0,01		20,00
c)	UBND xã	0,00							0,00						
II	Theo dõi diễn biến diện tích theo mục đích sử dụng rừng	-179,92	-12,00	0,00	-10,86	-45,78	-75,22	-36,06	-108,41	-59,98	0,00	-0,02	0,29	-24,15	-24,55
a)	Rừng đặc dụng	0,00							0,00						
b)	Rừng phòng hộ	0,00				0,00			0,00						
c)	Rừng sản xuất	-179,92	-12,00		-10,86	-45,78	-75,22	-36,06	-108,41	-59,98		-0,02	0,29	-24,15	-24,55

II	Theo dõi diễn biến diện tích theo các nguyên nhân	0,00							0,00						
1	Tăng diện tích	1.259,28	78,86	10,97	167,01	224,13	357,25	421,06	1.584,80	117,08	1,69	484,12	212,94	354,09	414,88
a)	Trồng rừng	558,49		2,19	64,31	90,61	193,27	208,11	697,34			220,87		146,87	329,60
b)	Rừng trồng đủ tiêu chí thành rừng	392,00	15,69	8,78	93,92		80,94	192,67	622,10	24,71	1,69	263,25	48,88	207,22	76,35
c)	Khoanh nuôi tái sinh đủ tiêu chí thành rừng	37,93				37,93			0,00						
d)	Các nguyên nhân khác	270,86	63,17		8,78	95,59	83,04	20,28	265,36	92,37			164,06		8,93
2	Giảm diện tích	-897,01	-68,01	1,71	-84,94	-147,34	-328,63	-269,80	-1.239,07	-396,63	-0,20	-283,59	-10,50	-198,96	-349,19
a)	Khai thác rừng	-630,17	-56,01	1,71	-74,08	-101,83	-166,22	-233,74	-1.045,83	-336,65		-224,36	-10,50	-151,39	-322,93
b)	Khai thác rừng trái phép	0,00							0,00						
c)	Cháy rừng	0,00							0,00						
d)	Phá rừng trái pháp luật, lấn chiếm đất rừng	0,00							-0,11						-0,11
đ)	Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	-179,65	-12,00		-10,86	-45,51	-75,22	-36,06	-119,30	-59,98	-0,20			-32,97	-26,15
e)	Các nguyên nhân khác	-87,19					-87,19		-73,83			-59,23		-14,60	